

Số: 97/BC-ĐHSPKTND

Ninh Bình, ngày 22 tháng 10 năm 2025

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện việc khảo sát cơ quan, doanh nghiệp về tình hình sử dụng lao động người học tốt nghiệp của Nhà trường

Thực hiện Kế hoạch số 148/KH-ĐHSPKTND ngày 11 tháng 8 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định về việc triển khai khảo sát doanh nghiệp, Phòng KH-HTQT & ĐBCL phối hợp với Trung tâm Thực hành và các khoa chuyên môn đã tiến hành khảo sát 31 doanh nghiệp có sử dụng sinh viên tốt nghiệp giai đoạn 2023–2024.

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

Nhằm thu nhận thông tin khách quan của các cơ quan, doanh nghiệp về chất lượng đào tạo của Nhà trường. Từ đó, xây dựng các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo, nhằm đáp ứng yêu cầu của các tổ chức, doanh nghiệp và góp phần thực hiện yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác công tác kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học.

2. Yêu cầu

Thông tin khảo sát ý kiến của doanh nghiệp và các tổ chức phải đảm bảo tính khách quan, trung thực và được sử dụng đúng mục đích.

II. Đối tượng, hình thức, tỷ lệ phản hồi, xử lý số liệu:

- Đối tượng: cơ quan, doanh nghiệp ở các lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ, sản xuất, thương mại có sử dụng sinh viên tốt nghiệp của Nhà trường.
- Hình thức thu thập thông tin: gửi phiếu khảo sát điện tử (Google Form), phỏng vấn qua điện thoại, email, Zalo.
- Tỷ lệ phản hồi:
 - Phát hành 33 phiếu, thu về 31 phiếu hợp lệ (tỷ lệ phản hồi 93,9%).
 - 02 phiếu không hợp lệ do thiếu thông tin quan trọng.
- Xử lý số liệu:
 - Kiểm tra, đối chiếu tính hợp lệ của phiếu.
 - Mã hóa, nhập dữ liệu trên Excel.
 - Thống kê mô tả (tần suất, tỷ lệ) và so sánh với dữ liệu năm 2022.

III. Thuận lợi và khó khăn

- Thuận lợi:
 - Doanh nghiệp hợp tác tích cực, phản hồi khách quan.
 - Phiếu khảo sát được chuẩn hóa, dễ dàng tổng hợp và phân tích.

2. Khó khăn:

- Một số doanh nghiệp bận rộn, trả lời còn khái quát, chưa cụ thể.
- Thông tin phản hồi về nhu cầu tuyển dụng đôi khi chưa cụ thể hóa chỉ tiêu theo các ngành.

IV. Kết quả khảo sát

1. Tình hình việc làm của sinh viên:

Số lượng SV	Số DN	Tỷ lệ (%)
Dưới 5 SV	18	58,1
Từ 5–10 SV	08	25,8
Trên 10 SV	05	16,1

Kết quả khảo sát cho thấy, phần lớn doanh nghiệp 58,1% tiếp nhận dưới 5 sinh viên tốt nghiệp, trong khi 25,8% tuyển dụng ở mức trung bình (5–10 sinh viên) và chỉ 16,1% doanh nghiệp tiếp nhận trên 10 sinh viên. Điều này phản ánh đặc điểm của thị trường lao động khu vực, nơi đa số doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ, do đó nhu cầu tuyển dụng mang tính phân tán. Tuy nhiên, sự xuất hiện của một số doanh nghiệp có khả năng tiếp nhận trên 10 sinh viên cho thấy vẫn tồn tại những đối tác tiềm năng, có thể trở thành đầu mối quan trọng trong hợp tác đào tạo và tuyển dụng lâu dài.

2. Lĩnh vực doanh nghiệp thường tuyển dụng:

Ngành nghề	Số DN lựa chọn	Tỷ lệ %
Công nghệ kỹ thuật cơ khí	12	38,7%
Công nghệ thông tin	12	38,7%
Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	11	35,5%
Kế toán	09	29,0%
Công nghệ chế tạo máy	09	29,0%
Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	09	29,0%
Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	08	25,8%
Khoa học máy tính	06	19,4%
Công nghệ kỹ thuật ô tô	05	16,1%
Quản trị kinh doanh	05	16,1%

Kết quả khảo sát về nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp (DN) đối với các ngành đào tạo của nhà trường cho thấy sự phân bổ nhu cầu nhân lực rất rõ nét, phản ánh xu hướng của thị trường lao động hiện tại. Phân tích chi tiết các nhóm ngành như sau:

Khối ngành Kỹ thuật – Công nghệ khẳng định vị thế dẫn đầu Các ngành kỹ thuật chủ lực của nhà trường tiếp tục chiếm ưu thế tuyệt đối trong nhu cầu của doanh nghiệp. Công nghệ kỹ thuật cơ khí (12 DN, 38,7%) và Công nghệ thông tin (12 DN, 38,7%) đồng dẫn đầu về số lượng doanh nghiệp lựa chọn. Ngay sau đó là Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (11 DN, 35,5%). Điều này khẳng định thế mạnh đào tạo truyền thống (khối Cơ khí, Điện) và mũi nhọn chiến lược (CNTT) của nhà trường đang đáp ứng chính xác và mạnh mẽ yêu cầu nhân lực của các doanh nghiệp công nghiệp và dịch vụ.

Mặc dù không dẫn đầu, khối ngành kinh tế cho thấy một nhu cầu ổn định và thiết yếu. Kế toán (09 DN, 29,0%) có tỷ lệ lựa chọn cao, ngang bằng với các ngành kỹ thuật lỗi như Công nghệ chế tạo máy và Cơ điện tử. Đây là tín hiệu quan trọng, cho thấy doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng cân bằng: vừa cần kỹ sư vận hành sản xuất, vừa đòi hỏi nhân lực có kỹ năng chuyên sâu về quản lý tài chính, hỗ trợ vận hành. Quản trị kinh doanh (05 DN, 16,1%) duy trì mức nhu cầu ở nhóm sau, tập trung vào các thị trường ngách cụ thể.

Công nghệ thông tin (12 DN, 38,7%) là một trong hai ngành được săn đón nhất. Khi kết hợp với Khoa học máy tính (06 DN, 19,4%), tổng thể khối ngành này cho thấy nhu cầu nhân lực cho quá trình chuyển đổi số, phát triển phần mềm và phân tích dữ liệu vẫn đang ở mức rất cao. Đây là xu hướng tất yếu trong bối cảnh các doanh nghiệp đẩy mạnh ứng dụng công nghệ 4.0 vào quản lý và sản xuất. Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử (09 DN, 29,0%) và Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (08 DN, 25,8%) cho thấy nhu cầu cao về nhân lực vận hành các hệ thống thông minh và dây chuyền tự động. Công nghệ kỹ thuật ô tô (05 DN, 16,1%), tuy có số lượng lựa chọn khiêm tốn hơn, vẫn là phân khúc quan trọng.

3. Kiến thức, kỹ năng sinh viên cần bổ trợ:

Nội dung	DN	Tỷ lệ (%)
Bổ trợ kiến thức chuyên môn	18	58,1%
Bổ trợ kỹ năng nghiệp vụ	16	51,6%
Bổ trợ kỹ năng mềm	11	35,5%
Không cần bổ trợ thêm	05	16,1%
CNTT	03	9,7%
Ngoại ngữ	03	9,7%

Kết quả khảo sát từ 31 doanh nghiệp cho thấy, mặc dù sinh viên của trường đã có những nền tảng nhất định, nhưng vẫn tồn tại những khoảng trống cần được lấp đầy để đáp ứng tốt hơn yêu cầu của thị trường lao động.

Bảng số liệu cho thấy rõ, hai yếu tố được các doanh nghiệp đánh giá cần bổ sung nhiều nhất là kiến thức chuyên môn (18/31 doanh nghiệp, chiếm 58,1%) và kỹ năng

ng nghiệp vụ (16/31 doanh nghiệp, chiếm 51,6%). Điều này phản ánh thực tế rằng, dù chương trình đào tạo đã cung cấp kiến thức nền tảng vững chắc, nhưng có thể chưa đủ sâu hoặc chưa cập nhật kịp thời với các ứng dụng thực tiễn của ngành. 35,5% doanh nghiệp (11/31) chỉ ra rằng sinh viên cần cải thiện kỹ năng mềm. Đây là một tín hiệu quan trọng cho thấy, bên cạnh kiến thức chuyên ngành, khả năng làm việc nhóm, giao tiếp, và thích nghi với môi trường làm việc cũng là những yếu tố được doanh nghiệp coi trọng.

Chỉ có 16,1% doanh nghiệp (05/31) cho rằng sinh viên không cần bổ sung thêm bất cứ điều gì. Đây là một con số đáng khích lệ, chứng minh rằng một bộ phận sinh viên đã thực sự nổi trội và đáp ứng được mọi yêu cầu. Con số này là minh chứng cho hiệu quả của chương trình đào tạo đối với một số nhóm ngành/sinh viên cụ thể.

Tỷ lệ cần bổ sung về CNTT và Ngoại ngữ cùng ở mức 9,7% (03/31 doanh nghiệp). Mặc dù tỷ lệ này thấp, nhưng trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số, đây vẫn là những kỹ năng thiết yếu mà nhà trường cần quan tâm để nâng cao sức cạnh tranh cho sinh viên.

4. Nhu cầu tuyển dụng trong 12 tháng tới:

Hình thức	Chỉ tiêu (SV)
Thực tập tốt nghiệp sẽ tuyển dụng	1264
Tham quan – kiến tập	144
Tuyển chính thức	129

Bình quân/DN năm 2025 so sánh với năm 2022:

Hình thức	2022/DN	2025/DN	Chênh lệch (SV/DN)	Tăng (%)
Thực tập tốt nghiệp	3,37	40,77	+37,4	+1109,79%
Tham quan – kiến tập	3,18	4,65	+1,47	+46,22%
Tuyển chính thức	1,96	4,16	+2,20	+112,24%

Kết quả khảo sát ghi nhận 1264 sinh viên được doanh nghiệp dự kiến tiếp nhận thực tập tốt nghiệp, 144 sinh viên tham gia tham quan – kiến tập, và 129 sinh viên được tuyển chính thức.

Đáng chú ý, khi so sánh với dữ liệu năm 2022, nhu cầu bình quân trên mỗi doanh nghiệp đã tăng vượt bậc: Thực tập tốt nghiệp tăng 1109,79%, Tham quan – kiến tập tăng 46,22%, Tuyển chính thức tăng 112,24%.

Mặc dù số lượng doanh nghiệp tham gia khảo sát năm 2025 là 31 doanh nghiệp, ít hơn đáng kể so với 92 doanh nghiệp năm 2022, xu hướng này cho thấy nhu cầu tuyển dụng đang trở nên tập trung và sâu sắc hơn. Điều này phản ánh mức độ tin tưởng, quan tâm ngày càng lớn của doanh nghiệp đối với nguồn nhân lực do Nhà trường đào tạo.

STT	Tiêu chí	Điểm TB (1–5)	% DN chọn mức 4–5	Nhận xét
10	Kỹ năng tiếng Anh cần thiết cho công việc	3,68	54,9%	Điểm yếu nổi bật
11	Kỹ năng sử dụng Tin học cho công việc	4,06	80,7%	Điểm mạnh rõ rệt
12	Thái độ làm việc tích cực, hiệu quả	4,29	90,3%	Xuất sắc
13	Ý thức chấp hành tốt các nội quy, quy định của cơ quan	4,42	93,6%	Xuất sắc, nổi bật
14	Kỹ năng làm việc nhóm	4,29	87,1%	Tốt, cần tăng tính gắn kết
15	Kỹ năng giao tiếp	4,23	83,9%	Khá, cần tự tin hơn
16	Thực hành nghề nghiệp	4,26	83,9%	Tốt, phản ánh chú trọng thực hành
17	Đánh giá chung	4,35	87,1%	Tốt

Doanh nghiệp đánh giá cao ở nhiều tiêu chí nổi bật: thái độ làm việc (90,3%), ý thức chấp hành nội quy (93,6%), cùng với kỹ năng tin học (80,7%) và kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ (83,9%). Đây là những điểm mạnh khẳng định uy tín đào tạo của Nhà trường, cho thấy sinh viên có nền tảng kiến thức và thái độ nghề nghiệp vững vàng. Tuy nhiên, một số năng lực vẫn còn hạn chế, đáng chú ý là ngoại ngữ (54,9%), kỹ năng khởi nghiệp, tạo việc làm (61,3%) và mức độ sáng tạo, tự học chưa đồng đều (71,0%). Bên cạnh đó, các kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề được đánh giá ở mức khá (71–83,9%), phản ánh sinh viên có năng lực nhưng cần rèn luyện thêm để đáp ứng yêu cầu công việc càng cao.

Điểm trung bình chung đạt 4,35/5,0 là một kết quả tích cực, thể hiện sự tin tưởng ngày càng tăng từ phía doanh nghiệp đối với sinh viên Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định. Tuy vậy, Nhà trường vẫn cần tiếp tục đổi mới chương trình đào tạo, đặc biệt là tăng cường năng lực ngoại ngữ, khởi nghiệp và sáng tạo, nhằm nâng cao hơn nữa khả năng hội nhập và thích ứng của người học trong bối cảnh thị trường lao động cạnh tranh khốc liệt.

6. Ý kiến các doanh nghiệp về hợp tác với Nhà trường (theo Phiếu khảo sát – Mục 12)

Ngoài các chỉ tiêu cụ thể nêu trên, một số doanh nghiệp còn lựa chọn các phương án tuyển dụng linh hoạt, không được đưa vào thống kê số lượng cụ thể, như: tùy vào khả năng thực tế của sinh viên, không giới hạn số lượng, tùy thuộc từng thời điểm hoặc nhu cầu phát sinh.

Điều này cho thấy bên cạnh kế hoạch tuyển dụng cố định, các doanh nghiệp cũng có xu hướng mở rộng cơ hội tiếp cận thực tế cho sinh viên một cách linh hoạt, đồng thời sẵn sàng tiếp nhận nhân sự nếu phù hợp, qua đó mở ra nhiều cơ hội việc làm hơn cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

5. Đánh giá chi tiết chất lượng đào tạo từ phía các doanh nghiệp (theo Phiếu khảo sát – Mục 11)

Các doanh nghiệp đánh giá sinh viên đã tốt nghiệp theo 16 tiêu chí cụ thể. Kết quả chi tiết như sau:

STT	Tiêu chí	Điểm TB (1–5)	% DN chọn mức 4–5	Nhận xét
1	Kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ	4,23	83,9%	Đáp ứng tốt yêu cầu công việc
2	Vận dụng kiến thức vào công việc	4,35	83,9%	Khá, cần tăng tính chủ động
3	Kiến thức cơ bản KH tự nhiên – xã hội, chính trị, pháp luật	4,10	80,7%	Khá, nắm kiến thức cơ bản
4	Giải quyết, xử lý các vấn đề phức tạp trong công việc	4,06	71,0%	Khá, cần thêm trải nghiệm thực tiễn
5	Kỹ năng khởi nghiệp, tạo việc làm	3,84	61,3%	Hạn chế rõ rệt
6	Kỹ năng đánh giá, giám sát công việc	4,03	71,0%	Cần rèn luyện thêm
7	Quản lý, điều hành công việc	3,97	71,0%	Còn yếu, cần hỗ trợ
8	Tự học, nghiên cứu, sáng tạo	4,29	71,0%	Được đánh giá tích cực
9	Làm việc độc lập	4,29	71,0%	Được đánh giá tích cực

Các doanh nghiệp bày tỏ sẵn sàng đồng hành cùng Nhà trường trên nhiều phương diện với số lượng và tỷ lệ như sau:

STT	Nội dung hợp tác với doanh nghiệp	Số DN tham gia	Tỷ lệ (%)
1	Tham gia xây dựng chương trình, giảng dạy, hội thảo chuyên môn, nhằm đảm bảo nội dung đào tạo gắn với thực tiễn sản xuất – kinh doanh	01	3,2%
2	Tham gia thực hiện đào tạo như giảng dạy, phối hợp tổ chức hội thảo, seminar, nói chuyện chuyên đề	02	6,5%
3	Tham gia các buổi nói chuyện về hướng nghiệp, giới thiệu cơ hội việc làm	14	45,2%
4	Nhận sinh viên thực tập	19	61,3%
	Đóng góp ý kiến phản hồi về chất lượng sinh viên và người học	11	35,5%
5	Tài trợ học bổng	02	6,5%
6	Hỗ trợ triển khai thực tập, thực hành chuyên môn	04	12,9%
7	Chuyển giao khoa học công nghệ	02	6,5%
8	Hợp tác khác (quảng bá thương hiệu, tổ chức sự kiện...)	05	16,1%

Điều này chứng tỏ doanh nghiệp không chỉ là nơi tiếp nhận lao động mà còn đóng vai trò đối tác chiến lược trong nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường.

V. Kết luận và kiến nghị

1. Kết luận:

- Doanh nghiệp đánh giá cao sinh viên được đào tạo của Nhà trường (điểm 4,35/5,0).
- Nhu cầu bình quân tuyển dụng/DN tăng rõ rệt so với 2022.
- Điểm mạnh: thái độ, tin học, kỹ năng nhóm.
- Điểm yếu: ngoại ngữ, sáng tạo, khởi nghiệp.

2. Kiến nghị:

** Đối với Nhà trường:*

- Tăng cường đào tạo thực hành, gắn kết doanh nghiệp.
- Cập nhật chương trình theo công nghệ mới.

- Đẩy mạnh đào tạo ngoại ngữ, kỹ năng mềm, kỹ năng số.

* *Đối với doanh nghiệp:*

- Mở rộng cơ hội thực tập, tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp.

- Tham gia giảng dạy, góp ý xây dựng chương trình.

- Tạo điều kiện để sinh viên rèn luyện kỹ năng thực tế. *ma*

Nơi nhận:

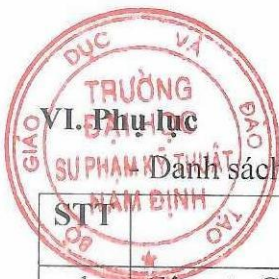
- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Ban KS
- Các đơn vị;
- Lưu: VT, P.KH-HTQT&ĐBCL.

KT HIỆU TRƯỞNG



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Mạnh Tiến



VI. Phụ lục

Danh sách 31 cơ quan, doanh nghiệp tham gia khảo sát năm 2025:

STT	Tên cơ quan, doanh nghiệp	Ghi chú
1	Công ty CP Vissai Hà Nam	
2	Công ty TNHH cơ khí đúc Tiến Đạt	
3	Công ty TNHH cơ khí tàu thủy Mai Tông	
4	Công ty TNHH Nam Dược	
5	Công ty CP Cấp nước Nam Định	
6	Công ty CP Vissai Ninh Bình	
7	Công ty TNHH Sing Yick Việt Nam	
8	Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn	
9	CNCT Viettel Hưng Yên	
10	Công ty CP Đầu tư Công nghệ Thương mại Softdreams	
11	Toyota Nam Định	
12	THACO Nam Định	
13	Công ty CP Cung ứng Nhân lực Mạnh Toàn Phát	
14	Công ty TNHH Fushan Technology Việt Nam	
15	QMH Computer	
16	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – CN Nam Định (Techcombank)	
17	Công ty CP Công nghệ Viteq Việt Nam	
18	Công ty CP Công nghiệp Ngũ kim Fortress Việt Nam	
19	Công ty CP Dược phẩm PQA	
20	Công ty TNHH Ống thép Tân Long	
21	Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại TP Việt Nam	
22	Trường THCS Hải Bắc – Hải Hậu – Ninh Bình	

23	Công ty cổ phần tổng công ty truyền hình cáp Việt Nam	
24	Lữ đoàn 164	
25	Trường Mầm non Hải Quang	
26	Trường Tiểu học Hải Lộc	
27	Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Nam Định	
28	Công ty TNHH xây dựng và thương mại dịch vụ Việt Hoàng	
29	Phòng Dự án 4, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Nam Định	
30	Trường THCS Yên Phú	
31	Công ty Cổ phần Thành Nam Đông Á	